

Số: 380 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5.000 Khu vực đô thị Trạm Lộ, Ninh Xá và Gia Đông, thị xã Thuận Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số: 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị và 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013; 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị; 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD);

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh số: 05/2021/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 về việc phân công phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh; 326/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 về việc phê duyệt Nhiệm vụ QHPK tỷ lệ 1/5.000 Khu vực đô thị Trạm Lộ, Ninh Xá và Gia Đông, huyện Thuận Thành;

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc Đồ án quy hoạch phân khu (viết tắt là QHPK) tỷ lệ 1/5.000 Khu vực đô thị Trạm Lộ, Ninh Xá và Gia Đông, thị xã Thuận Thành tại Thông báo Kết luận số 370-KL/TU ngày 29/4/2022;

Căn cứ Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Tại phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 4 năm 2022 và Trung tâm Chỉ huy phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh Bắc Ninh tại tại Thông báo kết luận số 47/TB-UBND ngày 29/4/2022;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 95/BC-SXD ngày 19/4/2022 và Báo cáo thẩm định số 29/BCTĐ-SXD ngày 14/8/2023 về Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5.000 khu vực đô thị Trạm Lộ, Ninh Xá và Gia Đông, thị xã Thuận Thành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án QHPK tỷ lệ 1/5.000 khu vực đô thị Trạm Lộ, Ninh Xá và Gia Đông, thị xã Thuận Thành với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

a) Phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính 3 phường: Trạm Lộ, Ninh Xá, Gia Đông, thị xã Thuận Thành, vị trí và ranh giới cụ thể theo hồ sơ bản vẽ quy hoạch kèm theo.

b) Quy mô quy hoạch: Tổng diện tích khoảng 2.701,49 ha.

Quy mô dân số khoảng 47.603 người (trong đó dân số hiện trạng khoảng 31.006 người)

2. Mục tiêu, tính chất:

a) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa nội dung đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Hồ và phụ cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 10/12/2019.

- Xây dựng phát triển Khu vực đô thị Trạm Lộ, Ninh Xá và Gia Đông thị xã Thuận Thành kết hợp với các khu vực còn lại phát triển đô thị Hồ thành Đô thị loại III và là khu vực đô thị quan trọng phía nam của đô thị Bắc Ninh trực thuộc Trung ương trong tương lai.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cùng các khu chức năng đô thị theo đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đã được phê duyệt.

- Lập kế hoạch khai thác và sử dụng đất hợp lý; làm cơ sở pháp lý để tổ chức lập quy hoạch chi tiết và triển khai các dự án đầu tư xây dựng.

b) Tính chất:

- Là khu vực phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, nhà ở thân thiện với môi trường, đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

- Là khu vực gắn với các khu chức năng cấp đô thị (trung tâm thể dục thể thao và hồ điều hòa của đô thị Hồ) và cấp vùng (chợ đầu mối nông sản).

- Là trung tâm phát triển thương mại dịch vụ, đô thị phục vụ các khu công nghiệp.

- Là một trong những trọng điểm về du lịch, văn hóa, lịch sử của khu vực phía Nam sông Đuống.

3. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng khu quy hoạch: Khu quy hoạch có điều kiện thuận lợi về vị trí, nhiều tuyến đường quan trọng đi qua, hiện trạng chủ yếu là dân cư hiện trạng và đất ruộng, địa hình bằng phẳng, nền địa chất ổn định, thuận lợi cho phát triển dự án.

4. Các khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan:

Quy hoạch không gian, kiến trúc, cảnh quan tổng thể theo mô hình sinh thái với cây xanh kết hợp với mặt nước có diện tích lớn, mật độ xây dựng đất thấp và tích hợp đa chức năng, kết hợp phát triển công nghiệp thương mại, dịch vụ, du lịch trải nghiệm. Quy hoạch chiều cao không gian đô thị, các khu chức năng theo hình thái tập trung cao tầng tại các khu trung tâm, thấp dần ra ngoài vùng biên xung quanh tạo lên các điểm nhấn kiến trúc và các không gian mở trong đô thị. Tổ chức không gian cho

các khu chức năng như sau:

- Khu trung tâm, quảng trường lớn được bố trí tại lõi trung tâm khu quy hoạch nằm tiếp giáp với các tuyến QL.17, QL.38, bố trí các công trình thương mại dịch vụ, hành chính, văn phòng với chiều cao tối đa 25 tầng tạo ra các trục thương mại, dịch vụ sâu uất phục tạo điểm nhấn về kiến trúc cho khu vực.

- Dọc phía Bắc đường VĐ4 bố trí Khu đô thị, du lịch, sinh thái làm điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan cho khu vực.

- Khu du lịch trải nghiệm và công viên chuyên đề được bố trí phía tây nam khu quy hoạch với nhiều loại hình gắn liền với văn hóa phong tục tập quán địa phương, thu hút khách du lịch trong và ngoài khu vực.

- Các khu công viên chuyên đề, thể thao ngoài trời, vui chơi giải trí, liên kết với mạng lưới kênh mương kết hợp với kênh thoát nước và hệ thống mặt nước, hồ điều hòa có diện tích lớn được bố trí xung quanh lõi đô thị, tạo không gian xanh, cảnh quan cho khu quy hoạch.

- Các khu nhà ở, nhóm nhà ở mới, các khu nhà ở tái định cư được bố trí đan xen với các khu dân cư hiện hữu, chiều cao tối đa 6 tầng; bố trí đất xây dựng nhà ở xã hội có chiều cao tối đa 15 tầng tại các khu vực có giao thông thuận lợi, gần các KCN để phục vụ nhu cầu cho công nhân và người lao động.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

Các chức năng sử dụng đất chính của đồ án bao gồm: Trung tâm công cộng, trung tâm dịch vụ thương mại; trung tâm văn hóa - thể dục thể thao; khu ở mới, nhà ở xã hội, các khu nhà ở tái định cư, khu vực ở hiện trạng cải tạo chỉnh trang; khu công nghiệp; khu kho bãi và dịch vụ; khu du lịch trải nghiệm; khu đô thị, du lịch, sinh thái; khu hạ tầng kỹ thuật (ga đường sắt đô thị), các khu đất dự trữ phát triển.

Bảng tổng hợp cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất (ha)	Dân số (người)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)		Tỷ lệ (%)	Tầng cao (tầng)
				Theo đồ án quy hoạch	QCXDVN 01:2021		
I	Đất xây dựng công trình cấp đô thị	487,15				18,03	
1	Đất công cộng đô thị	140,59				5,20	
a	Trung tâm xã	24,95					
b	Đất giáo dục (trường cấp 3)	11,55					
c	Đất y tế	11,44					1÷5
d	Đất Văn hóa - Thể Thao	20,77					
	- Đất sân vận động, sân thể thao cơ bản	8,91					
	- Đất nhà thi đấu, Trung tâm thiếu nhi, cung văn hóa	7,60					
	- Đất TDTT	4,26					
e	Đất trung tâm thương mại, dịch vụ đô thị	71,88				2,66	5÷25

2	Đất cây xanh - mặt nước đô thị	71,57				2,65	
a	Cây xanh cảnh quan	34,98					
b	Mặt nước, hồ điều hòa	36,59					
3	Đất giao thông đô thị (Đường cấp đô thị, Đường khu vực, quảng trường, bến bãi đỗ xe tập trung)	274,99				10,18	
a	Đường giao thông	251,73					
b	Bãi đỗ xe đô thị	20,95					
c	Quảng trường	2,31					
II	Đất đơn vị ở	664,18				24,59	
1	Đất đơn vị ở mới	67,94	15.097	45,00	28-45 m ² /người	2,52	
a	Đất nhóm nhà ở mới	47,34					
	Đất nhóm nhà ở đô thị mới	44,79					1÷5
	Đất nhà ở xã hội	2,55				5,39	5÷15
b	Đất cây xanh đơn vị ở mới	4,00		2,65	≥2 m ² /người		
c	Đất giáo dục (Trường mầm non, Tiểu học, THCS)	4,10					1÷5
d	Đất Văn hóa - Thể dục thể thao (sân chơi, sân luyện tập, Trung tâm văn hóa - Thể thao)	4,00					
e	Y tế (trạm y tế)	0,39					
f	Đất thương mại (chợ)	0,80					1÷5
g	Đất giao thông đơn vị ở mới	7,31					
2	Đất đơn vị ở hiện trạng	564,97	31.006	182,21		20,91	
a	Đất công cộng hiện trạng	3,01					
b	Đất ở làng xóm, dân cư hiện trạng	511,63					
c	Đất giáo dục hiện trạng	23,81		45,17			
d	Đất cây xanh, TDTT hiện trạng	6,93					
e	Đất Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, sân luyện tập, TMDV, Y tế phục vụ hiện trạng	6,95					
f	Đất cây xanh phục vụ hiện trạng	12,64		4,08			
3	Đất tái định cư	31,27					
III	Đất khác	1.550,16				57,38	
1	Khu đô thị du lịch, sinh thái	144,93	800			5,36	
2	Đất hỗn hợp (thương mại dịch vụ, nhà ở)	59,11	700			2,19	
3	Đất Khu du lịch trải nghiệm	65,93				2,44	
4	Trung tâm nghiên cứu, đào tạo	12,50				0,46	
5	Đất thương mại dịch vụ (Chợ đầu mối)	96,80				3,58	
6	Đất cây xanh, công viên chuyên	140,85				5,21	

	đề						
a	Công viên chuyên đề	34,47					
b	Đất cây xanh cách ly (Đường sắt, đường điện)	106,38					
7	Đất nghĩa trang, di tích, tôn giáo, tín ngưỡng	22,08				0,82	
8	Đất an ninh quốc phòng	8,74				0,32	
9	Đất công nghiệp	315,35				11,67	
10	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	37,67				1,39	
a	Nhà máy xử lý rác thải	1,91					1÷3
b	Ga đường sắt	4,98					
c	Trạm trung chuyển chất thải rắn	0,00					
d	Nhà máy xử lý nước thải	11,39					1÷3
e	Bãi tập kết phế thải vật vật liệu xây dựng	13,63					1
f	Trạm biến áp	0,95					
g	Trạm dừng nghỉ	4,81					
11	Đất giao thông đối ngoại (QL-VD4, QL38, QL17, QL285B)	137,36				5,08	
12	Đất nông nghiệp (đất trang trại xí nghiệp Tam Thiên Mẫu)	91,50				3,39	
13	Kênh thủy lợi	36,89				1,37	
14	Đất dự trữ	380,45				14,08	
	TỔNG	2.701,49	47.603			100,00	

6. Thiết kế đô thị và quy định quản lý:

a) Thiết kế đô thị:

- Các chỉ tiêu quy hoạch về chiều cao, mật độ xây dựng, khoảng lùi công trình, khoảng cách giữa các dãy nhà đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng.

- Trục không gian, cảnh quan chính: Xây dựng tuyến đường trục chính đô thị kết nối trục thương mại dịch vụ với khu thể thao, công viên và hồ điều hòa của thị xã Thuận Thành, tạo cảnh quan hấp dẫn, với các tiện ích công cộng thông minh, hiện đại, sinh thái, dễ tiếp cận, có hình ảnh đặc trưng riêng theo từng đoạn tuyến, tạo lập hình ảnh đô thị.

- Công trình điểm nhấn kiến trúc gồm tòa nhà hỗn hợp cao tối đa 25 tầng dọc hai bên trục cảnh quan và tại khu vực các nút giao với quốc lộ, tỉnh lộ.

- Thiết kế các công trình theo hình thức kiến trúc hiện đại, kết hợp với không gian cây xanh, mặt nước tạo kiến trúc cảnh quan sinh động cho khu đô thị.

b) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Được thẩm định, ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Tuyến đường vành đai 4, bề rộng mặt cắt ngang điển hình $B=120m$; phần đường cao tốc chính rộng $35,5m$ gồm 6-8 làn xe chính; hành lang giữa đường cao tốc và đường gom rộng $2 \times 4,25m$; làn xe phụ hai bên có bề rộng $2 \times 15,0m$; hè đường hai bên rộng $2 \times 8,0m$; Tuyến đường sắt có lộ giới $30,0m$.

+ Tuyến Quốc lộ 17: Mặt cắt ngang điển hình $42m = 8m + 10,5m + 5m$ (dải phân cách) + $10,5m + 8m$.

+ Tuyến Quốc lộ 38: Mặt cắt ngang điển hình $60m = 8m + 7,5m + 2m + 11,25m + 2,5m + 11,25m + 2m + 7,5m + 8m$.

+ Tuyến ĐT.276 mới và tuyến ĐT.285B: Mặt cắt ngang điển hình $56,5m = 6m + 7,5m + 2m + 11,25m + 3m + 11,25m + 2m + 7,5m + 6m$.

+ Tuyến ĐT.283: Mặt cắt ngang điển hình $27,0m = 6m + 15m + 6m$.

- Giao thông đối nội: Bao gồm các tuyến đường liên kết các khu chức năng trong khu vực và kết nối với đường giao thông đối ngoại, đảm bảo việc lưu thông của khu vực cũng như định hướng về không gian đô thị. Mặt cắt ngang các tuyến đường giao thông đối nội rộng từ $16-40m$, cụ thể như sau:

+ Các tuyến đường liên khu vực: Mặt cắt ký hiệu 2-2 có mặt cắt ngang điển hình từ $35-40m$ gồm bề rộng lòng đường $10,5m \times 2$, dải phân cách giữa rộng $2m$, hè đường mỗi bên rộng từ $6-8m$; mặt cắt ký hiệu 3-3 có mặt cắt ngang điển hình rộng $60m = 8m + 15m + 14m$ (vía hè hai bên và mương nước ở giữa) + $15m + 8m$; mặt cắt ký hiệu 4-4 có mặt cắt ngang điển hình rộng $69m = 3m + 11,5m + 3m + 8,5m$ (hành lang thủy lợi) + $17m$ (kênh) + $8,5m$ (hành lang thủy lợi) + $3m + 11,5m + 3m$; mặt cắt ký hiệu 5-5 có mặt cắt ngang điển hình $56m = 6m + 16,5m + 11m$ (dải phân cách) + $16,5m + 6m$; mặt cắt ký hiệu 6-6 có mặt cắt ngang điển hình rộng $60m = 8m + 15m + 14m$ (dải phân cách) + $15m + 8m$.

+ Các tuyến đường cấp khu vực: Mặt cắt ký hiệu 1-1 có mặt cắt ngang điển hình từ $22-27m$ gồm bề rộng lòng đường rộng từ $14-18m$, hè đường mỗi bên rộng từ $4-7,5m$; mặt cắt ký hiệu 7-7 có mặt cắt ngang điển hình rộng $50m = 7m + 10,5m + 3m$ (hành lang thủy lợi) + $9m$ (kênh) + $3m$ (hành lang thủy lợi) + $10,5m + 7m$; mặt cắt ký hiệu 8-8 có mặt cắt ngang là $16m = 4m + 8m + 4m$.

- Bãi đỗ xe: Quy hoạch các bãi đỗ xe tập trung với tổng diện tích khoảng $20,95ha$. Trong quá trình lập quy hoạch chi tiết, yêu cầu tính toán bố trí bãi đỗ xe theo từng dự án, nhóm nhà ở đảm bảo nhu cầu sử dụng và Quy chuẩn quy hoạch, Tiêu chuẩn hiện hành.

- Đối với các khu vực dân cư hiện trạng hiện hữu: Cải tạo các ngõ ngách hiện có và mở rộng một số tuyến đường đi qua các khu vực có mật độ xây dựng thấp, ngoài ra bố trí một số vị trí điểm quay xe, bãi đỗ xe phục vụ cứu thương, cứu hỏa, tập kết rác và cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Được thể hiện trên bản đồ quy hoạch

mạng lưới giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, đảm bảo QCVN 01:2021/BXD.

b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch san nền: Cao độ nền không chế từ $3m \div 5,5m$. Độ dốc nền đắp nhỏ nhất $I_{min} = 0,004$; cao độ xây dựng toàn khu vực được được không chế bởi hệ thống cao độ tại các nút giao thông.

- Quy hoạch thoát nước mặt:

+ Hướng thoát nước chính của khu vực nghiên cứu thoát vào hệ thống các hồ điều hòa nằm phân bố đều trong dự án và hệ thống kênh L6 (nằm phía Tây Nam khu quy hoạch), kênh Nội Trung và kênh Gáo (nằm phía Đông khu quy hoạch).

+ Mạng lưới cống đảm bảo thu hết nước mưa trên toàn bộ khu vực nghiên cứu, các đoạn cống qua làng xóm có cao độ thấp sẽ được tính toán kỹ sao cho thu được nước thoát từ làng xóm ra hệ thống thoát nước của đô thị.

c) Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước cấp từ nhà máy nước Thuận Thành và nhà máy nước Song Hồ.

- Cấp nước chữa cháy: Các họng cứu hỏa được bố trí dọc các đường ống cấp nước, tại các điểm thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước. Khoảng cách giữa hai trụ cứu hỏa từ 120-150m.

- Tổng nhu cầu cấp nước khoảng 21.000 m³/ngày đêm (không bao gồm cấp nước trong các khu, cụm công nghiệp).

d) Quy hoạch cấp điện:

Nguồn cấp điện: Hiện trạng khu vực quy hoạch có Trạm biến áp 110KV Thuận Thành, công suất 2x 63MVA phía Tây và Trạm biến áp Thuận Thành 2 công suất 63MVA ở phía Bắc. Khu vực nghiên cứu đề xuất bố trí Trạm biến áp Thuận Thành 4 và 5 theo Quy hoạch chung.

Lưới điện truyền tải 22kV: Cấp từ trạm biến áp Thuận Thành và trạm Thuận Thành 2, đi dọc theo các trục đường quy hoạch cấp tới các trạm biến áp hạ áp.

Chiếu sáng giao thông đô thị: Đảm bảo các chức năng về chiếu sáng, định vị, dẫn hướng cho các đối tượng tham gia giao thông hoạt động an toàn về ban đêm. Các chỉ tiêu định lượng, chất lượng chiếu sáng bảo đảm Quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị Quy định cho từng loại công trình giao thông.

e) Quy hoạch thông tin liên lạc: Quy hoạch sơ bộ giải pháp thiết kế mạng điện thoại bên ngoài công trình của khu vực bao gồm: Xác định vị trí, dung lượng tổng đài; hướng tuyến cáp quang. Các thuê bao và mạng cáp thuê bao sẽ được thiết kế bổ sung ở giai đoạn sau. Vị trí các tuyến cáp và tủ cáp, hộp cáp trong quy hoạch phân khu chỉ là có tính chất gợi ý, sẽ được xác định cụ thể theo quy hoạch chung của ngành.

f) Quy hoạch thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt của khu dân cư, các trung tâm thương mại, khu công cộng sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3-4 ngăn đạt tiêu chuẩn được xả vào hệ

thống công thoát nước thải riêng từ đó dẫn về trạm xử lý nhờ hệ thống mạng thu gom, xây dựng các trạm bơm nâng dự kiến.

Nước thải từ các khu tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp được xử lý cục bộ theo tiêu chuẩn có thể xả vào hệ thống xử lý nước thải chung để xử lý triệt để hoặc xả vào hệ thống thoát nước mưa hoặc sông hồ nếu đạt tiêu chuẩn xả thải hiện hành cho phép.

g) Quy hoạch chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- CTR sẽ được phân loại tại nguồn thải được thu gom theo tiêu chuẩn 3R nhằm giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn.

- Phương án tổ chức thu gom: Trong khu vực thiết kế quy hoạch một số điểm tập kết chất thải rắn. CTR vận chuyển đến khu xử lý CTR của vùng để xử lý tập trung (vị trí trạm xác định theo quy hoạch chung).

h) Quy hoạch nghĩa trang: Đóng cửa dần dần các nghĩa trang nhân dân hiện trạng, giai đoạn đầu cải tạo thành công viên nghĩa trang, nghĩa trang nhân dân được chuyển về nghĩa trang chung theo quy hoạch chung với quy mô khoảng 10ha.

i) Đánh giá môi trường chiến lược và tác động môi trường: Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu tác động ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực.

8. Danh mục ưu tiên đầu tư, nguồn lực để thực hiện và danh mục các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch:

a) Danh mục ưu tiên đầu tư:

Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình khung hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển khu đô thị cũng như đảm bảo kết nối với các khu vực lân cận.

Các công trình hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương cũng như vấn đề an sinh xã hội cho người dân.

Các công trình nhà ở, thương mại, dịch vụ, tòa nhà hỗn hợp,...

b) Nguồn lực thực hiện:

- Nguồn vốn nhà đầu tư, các nguồn viện trợ, đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước.

- Khai thác tốt hệ thống hạ tầng đô thị hiện hữu, đẩy mạnh khai thác quỹ đất, tài nguyên của địa phương và các nguồn khác để tạo vốn xây dựng hệ thống hạ tầng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp đặc điểm của địa phương và môi trường đầu tư hấp dẫn nhằm thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia vào quá trình xây dựng phát triển đô thị theo định hướng quy hoạch.

c) Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong khu vực quy hoạch:

- Công trình giáo dục: Trường mầm non, trường liên cấp (tiểu học và trung học cơ sở), trường trung học phổ thông.

- Công trình công cộng: Công trình y tế, trung tâm văn hóa - thể thao, sân luyện tập.
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng, Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh phối hợp với các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thị xã Thuận Thành và các đơn vị có liên quan triển khai các bước tiếp theo đảm bảo các quy định của pháp luật; Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh phối hợp với UBND thị xã Thuận Thành, UBND các phường: Trạm Lộ, Ninh Xá, Gia Đông tổ chức công bố, công khai QHPK chậm nhất trong vòng 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt; tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa theo Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo QHPK.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Bắc Ninh; UBND thị xã Thuận Thành, UBND các phường: Trạm Lộ, Ninh Xá, Gia Đông và các tổ chức, cơ quan có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận: *ka*

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TTTU, TT HĐND thị xã Thuận Thành;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTTH, TNMT;
- lưu: XDCEB, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải
Đào Quang Khải

